

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**CÔNG TY CỔ
PHẦN QUỐC
TẾ SƠN HÀ****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.968.867.724.911	4.552.379.296.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.526.400.514	73.683.600.155
1. Tiền	111		27.526.400.514	73.683.600.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	162.333.627.681	121.716.649.523
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		162.333.627.681	121.716.649.523
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.192.332.266.638	3.829.730.064.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.583.066.819.340	3.310.618.211.593
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	408.820.298.366	283.391.393.881
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	211.569.379.596	246.661.146.820
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(11.127.346.664)	(11.127.346.664)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		3.116.000	186.658.557
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	538.603.818.576	478.705.642.898
1. Hàng tồn kho	141		538.665.906.843	478.767.731.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(62.088.267)	(62.088.267)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		48.071.611.502	48.543.339.288
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8	13.738.610.355	9.995.275.943
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		4.150.112.453	9.135.812.064
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	607.805.959	28.823.441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	29.575.082.735	29.383.427.840

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.380.415.787.837	2.113.467.867.461
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.663.189.408	4.209.411.101
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5	4.663.189.408	4.209.411.101
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		304.088.244.439	299.857.766.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	243.173.007.764	261.123.067.649
- Nguyên giá	222		502.536.079.254	498.865.201.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.363.071.490)	(237.742.134.011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	50.333.278.478	27.719.377.779
- Nguyên giá	225		64.900.911.493	41.606.540.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.567.633.015)	(13.887.162.774)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	10.581.958.197	11.015.321.553
- Nguyên giá	228		24.549.889.780	24.404.889.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.967.931.583)	(13.389.568.227)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.13	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.14	814.786.124.006	646.938.040.821
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		814.786.124.006	646.938.040.821
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	1.252.764.358.323	1.157.761.230.823
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.099.530.408.490	1.007.832.939.021
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		175.759.031.850	175.759.031.850
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	264		(60.689.506.208)	(59.946.518.664)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	4.048.645.575	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266	-	-

VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.113.871.661	4.701.417.735
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	4.113.871.661	4.701.417.735
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280	6.349.283.512.748	6.665.847.163.512
--------------------------	------------	--------------------------	--------------------------

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.585.734.721.849	4.950.223.017.974
I. Nợ ngắn hạn	310		3.774.087.913.845	4.108.934.674.125
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	657.413.716.101	1.275.509.156.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	309.390.331.761	264.747.246.533
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		52.989.600	52.989.600
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	6.732.713.755	13.621.970.030
5. Phải trả người lao động	315		12.506.377.598	15.252.644.735
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	3.404.451.542	4.756.675.939
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.20	2.157.323.470	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	399.178.862.391	493.988.386.436
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.21	2.383.251.147.627	2.041.005.604.535
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		811.646.808.004	841.288.343.849
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	-	43.331.648.953
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.20	95.113.994.850	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19	322.782.127.211	316.326.047.592
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.21	393.750.685.943	481.630.647.304
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	-	-	
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	-	-	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	1.763.548.790.899	1.715.624.145.538
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.702.684.090.000	1.702.684.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.593.162.672	31.593.162.672
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		81.364.763.847	33.440.118.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	420a		32.929.518.486	33.440.118.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		48.435.245.361	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.349.283.512.748	6.665.847.163.512

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Chức tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			VND		VND	
			Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.558.322.517.116	1.392.492.447.085	4.199.430.364.658	3.944.684.294.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	36.840.805.862	40.656.887.887	113.461.756.686	99.357.686.567
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.521.481.711.254	1.351.835.559.198	4.085.968.607.972	3.845.326.608.067
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.412.229.549.878	1.260.852.246.984	3.803.440.924.821	3.603.879.410.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.252.161.376	90.983.312.214	282.527.683.151	241.447.197.069
6. Lãi/Lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	16.436.984.686	14.006.023.926	113.310.193.218	64.567.176.486
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	54.622.232.896	40.967.946.580	153.823.424.762	122.889.238.975
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		52.252.383.310	38.685.817.284	143.083.783.063	113.657.698.069
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.833.555.429	35.388.858.199	105.397.731.849	101.661.216.621
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	31.772.638.602	23.133.798.302	90.306.361.315	69.776.424.716
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.460.719.135	5.498.733.059	46.310.358.443	11.687.493.243
12. Thu nhập khác	31	VI.8	89.246.323	26.218.255	3.046.944.577	117.109.300
13. Chi phí khác	32	VI.9	745.694.574	94.567.618	922.057.659	3.025.090.861
14. Lợi nhuận khác	40		(656.448.251)	(68.349.363)	2.124.886.918	(2.907.981.561)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.804.270.884	5.430.383.696	48.435.245.361	8.779.511.682
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ
Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			VND		VND		VND	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.804.270.884		5.430.383.696		48.435.245.361	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	-		-		-	
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10	-		-		-	

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026



Lê Vĩnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)
Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.435.245.361	8.779.511.682
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		23.389.371.076	23.989.035.808
- Các khoản dự phòng	03		742.987.544	3.680.666.176
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.028.700.493	40.425.159
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(115.838.313.485)	(62.852.823.713)
- Chi phí đi vay	06		143.083.783.063	113.657.698.069
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.841.774.052	87.294.513.181
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		704.851.821.073	788.222.202.504
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(59.898.175.678)	(42.773.758.346)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(604.736.519.919)	(1.055.686.642.776)
- Tăng/giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.155.788.338)	(792.309.630)
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(145.279.554.814)	(113.284.338.378)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.421.625.871)	(13.656.501.990)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(269.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.798.069.495)	(350.677.105.159)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(314.884.116.036)	(152.370.986.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.333.112.194)	(55.004.769.532)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.513.946.580	178.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.979.597.252	8.790.456.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(282.723.684.398)	(17.535.298.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành			-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.081.613.023.215	4.025.255.510.830

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III.2026	Quý III.2025
			VND	VND
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.819.484.734.488)	(3.639.915.878.499)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.762.706.996)	(7.345.633.615)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		254.365.581.731	377.993.998.716
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(46.156.172.162)	9.781.594.916
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.683.600.155	15.699.212.898
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.027.479)	(40.425.159)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	27.526.400.514	25.440.382.655

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
(BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)**

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa,...;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời,...;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4 . Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5 . Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	54,26%	54,26%	54,26%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	88,59%	88,59%	88,59%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Son Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	71,71%	71,71%	71,71%
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Son Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Son Hà Free Solar	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH Một Thành viên Logistics Son Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, Phường Mão Điền, Bắc Ninh	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ nước và môi trường Son Hà GM Việt Nam	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu phát triển công nghệ lĩnh vực môi trường	100%	100%	100%
Sonha India International Private Limited	11 O' Shaughnessy road, Global Tech Park Lanford, Museum Road, Bangalore, Bangalore North, Karnataka, India, 560025	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	60%	60%	60%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**Các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh đồ dùng gia dụng khác	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	30%	30%	30%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, TP Hải Phòng
Chi nhánh Hải Dương 2	KDC Ninh Cháp 7 Phường Chu Văn An TP Hải Phòng
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 7, xã Hy Cương, Tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Xuân Mai	SN55, Tổ 3, Thôn Xuân Sen, xã Xuân Mai, Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Số 40B Phố Gò Sỏi, Thôn 9, Xã Trung Giã, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Thái Nguyên	Tổ 35, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Chi nhánh Thái Nguyên 2	Đường cách mạng tháng Tám, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Sơn Tây	Thôn Tân Phú, Xã Đoài Phương, Hà Nội
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 8, khu đô thị mới Diêm Thủy, Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Yên Bái	Thôn 2, Xã Yên Bình, Tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư, Khu Hán Lữ, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Chi nhánh Sơn La	(Cạnh cổng nhà máy xi măng Chiềng Sinh), Đường Lê Duẩn, Tổ 4, P.Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La, Việt Nam
Chi nhánh Sơn La 2	Km181, Quốc lộ 6, số nhà 84, TDP Tiên Tiến, Phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Chi nhánh Hòa Bình	Tổ 2, Phường Hoà Bình, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Chi nhánh Thái Bình	Nhà ông Đặng Văn Thơm, thôn Lê Lợi 1, Xã Nam Đông Hưng, Hưng Yên
Chi nhánh Thái Bình 2	Nhà ông Nguyễn Văn Long, Xóm 7, thôn Trinh Trung, Xã Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Chi nhánh Bắc Ninh	Km2, đường Trần Hưng Đạo (thuê của HTX dịch vụ TH P. Đại Phúc), Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Chi nhánh Cao Bằng	Tổ dân phố Đề Thám 7, phường Thục Phán, Tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Quốc Oai	Bên cạnh cây xăng, Cửa Sâu, thôn Đồng Lư, xã Hưng Đạo, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Lạng Sơn	Khối Khòn Pát, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Chi nhánh Nam Định	Lô 28, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, Phường Trường Thi, Ninh Bình
Chi nhánh Nam Định 2	Xóm Phượng Tường 2, Xã Cát Thành, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Việt Tiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chi nhánh Hưng Yên 2	Thôn Lục Điền, Xã Việt Yên, Tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lào Cai	Số nhà 299 - Đường Lê Thanh - Tổ 4 - Phường Cam Đường - Tỉnh Lào Cai - Việt Nam
Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Quảng Ninh 2	SN 731 Tổ 1, Khu 1, Phường Việt Hưng, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Quảng Ninh 3	Số 263 Đường Mạc Dung, Phường Đông Mai, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 21, xã Vạn Xuân, Phú Thọ, Việt Nam
Chi nhánh Điện Biên	Đội 7, Xã Sam Mứn, Tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Thôn Phú Lâm, Xã Lập Thạch, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Chi nhánh Bắc Kạn	Số 193, tổ dân phố số 9A, phường Bắc Kạn, Tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thường Tín	Quốc lộ 1A, Thôn Đình Xá, Xã Phú Xuyên, Thành Phố Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Lô số A-212, A-214 Phạm Hùng, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng
Chi nhánh Hà Tĩnh 1	Quốc Lộ 1A, xóm Tân Phú, Phường Trần Phú, Tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Hà Tĩnh 2	(Nhà bà Nguyễn Thị Tuyết), Thôn Xuân Thọ, Xã Kỳ Hoa, Hà Tĩnh
Chi nhánh quản lý vận hành và kinh doanh nước sạch Sơn	Tầng 13, Tòa Capital Place, số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6 . Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7 . Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 kết thúc Quý III kỳ kế toán năm 2026, Công ty có 490 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 465 nhân viên).

II . NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2 . Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5 . Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7 . Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

9 . Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, khi thấy có dấu hiệu hoặc bằng chứng về việc các tài sản sinh học bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của tài sản sinh học, Công ty sẽ trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm

10 . Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu;
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

16 . Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chờ phân bổ được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

17 . Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cổ phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn".

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

19 . Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20 . Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này;
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

23 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

24 . Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

27 . Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**V . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	8.382.941.494	5.182.956.627
Tiền gửi không kỳ hạn	19.131.414.955	68.496.821.978
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	13.326.920.238	58.307.312.099
- Các ngân hàng, tổ chức khác	5.804.494.717	10.189.509.879
Tiền đang chuyển	12.044.065	3.821.550
Cộng	27.526.400.514	73.683.600.155

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	162.333.627.681	121.716.649.523
Tiền gửi có kỳ hạn	161.829.876.427	120.010.710.813
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	503.751.254	1.705.938.710
Dài hạn	4.048.645.575	-
Tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	48.645.575	-
Cộng	166.382.273.256	121.716.649.523

b) Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	1.099.530.408.490	(26.081.923.533)	1.007.832.939.021	(25.393.862.412)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (i)	-	-	440.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà (ii)	2.550.000.000	(2.550.000.000)	2.550.000.000	(2.550.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà (iii)	523.723.130.000	-	23.215.500.000	-
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà (iv)	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc (v)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Son Ha Myanmar International Limited (vi)	50.348.859.469	-	19.159.020.000	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (vii)	444.182.072.000	-	444.182.072.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền (viii)	5.000.000.000	(69.456.113)	5.000.000.000	(69.456.113)
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà (ix)	13.200.000.000	(318.029.764)	13.200.000.000	(317.478.598)
Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar (x)	13.500.000.000	(11.916.346.589)	13.500.000.000	(11.449.003.633)
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Công Nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam (xi)	3.366.000.000	(886.143.841)	3.366.000.000	(880.050.240)
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà (xii)	23.336.984.969	-	23.336.984.969	-
Sonha India International Private Limited (xix)	1.823.362.052	(341.947.226)	1.823.362.052	(127.873.828)
Đầu tư vào công ty liên kết	175.759.031.850	(491.804.059)	175.759.031.850	(436.877.636)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn (xiii)	12.259.031.850	-	12.259.031.850	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam (xiv)	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản Sơn Hà(xv)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange(xvii)	45.000.000.000	(491.804.059)	45.000.000.000	(436.877.636)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.115.778.616	(34.115.778.616)	34.115.778.616	(34.115.778.616)
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000	(2.710.000.000)	2.710.000.000	(2.710.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà (xviii)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Cộng	<u>1.309.405.218.956</u>	<u>(60.689.506.208)</u>	<u>1.217.707.749.487</u>	<u>(59.946.518.664)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Tại thời điểm đầu năm, Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam là công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 05 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam là 470.000.000.000 VND (trong đó vốn bằng tiền, tài sản là 408.692.489.177 VND và bằng lợi nhuận để lại là 30.000.000.000 VND và bằng bù trừ công nợ là 31.307.510.823 VND).

Trong Quý I năm 2026, Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã phát hành 50.050.763 cổ phiếu với giá hoán đổi 10.022 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) để đổi lấy toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107776684, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 3 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà là 5.000.000.000 VND, tương đương với 500.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà 255.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101809894 thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 04 năm 2026 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà là 650.039.190.000 VND sau khi phát hành 50.050.763 cổ phiếu với giá hoán đổi 10.022 đồng/cổ phiếu để đổi lấy toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (Theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 11/11/2025). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà 57.583.727 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 88.59% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107833170 thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 09 năm 2025 do Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà là 15.000.000.000 VND, đương đương 1.500.000 cổ phiếu sau khi tiến hành tăng vốn bằng việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Theo Nghị quyết số 01b/2025/NQ-ĐHĐCĐ/B2B). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà 1.275.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 85% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107863062 thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc 10.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600119 ngày 23 tháng 3 năm 2016, điều chỉnh lần thứ tư ngày 15 tháng 01 năm 2026 do Bộ Tài chính cấp, Công ty đăng ký đầu tư 2.370.000 USD vào Son Ha Myanmar International Limited ("SHM"), tương đương 71,82% vốn điều lệ SHM. Trong kỳ, Công ty đã góp vốn bằng nguyên vật liệu với số tiền là 1.301.917,82 USD. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.141.917,82 USD tương đương 71,71% vốn thực góp tại SHM, số còn phải đầu tư là 228.082,18 USD.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321798 thay đổi lần thứ 20 ngày 13 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ là 576.580.000.000 VND, tương ứng với 57.658.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ 57.658.000 cổ phiếu, tương đương 74,34% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901891940 thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 3 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền 5.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108894955 thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Son Hà là 22.000.000.000 VND. Công ty đầu tư 1.320.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Son Hà, chiếm tỷ lệ 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109231781 thay đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 1 năm 2023, vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Son Hà Free Solar là 15.000.000.000 VND. Công ty đã đầu tư vốn vào Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Son Hà Free Solar 13.500.000.000 VND, trong đó 1.002.456.614 VND bằng tiền và 12.497.543.386 VND bằng hàng hóa, chiếm tỷ lệ 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty và các cổ đông sáng lập còn lại đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110130731 thay đổi lần thứ 03 ngày 22/07/2026 của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ nước và môi trường Son Hà GM Việt Nam với vốn điều lệ 6.600.000.000 VND. Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu phát triển công nghệ trong lĩnh vực môi trường, sản xuất và buôn bán thiết bị, công nghệ lĩnh vực môi trường, gia công chế tác cơ khí. Công ty cam kết đầu tư 3.366.000.000 VND tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107600722 thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Logistic Son Hà là 23.336.984.969 VND (trong đó vốn bằng tiền là 11.500.000.000 VND bằng bù trừ, bàn giao công nợ là 11.836.984.969 VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (xiii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.006.902 cổ phiếu, tương đương 20,10% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn.
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108916045 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2019, Công ty đã đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Son Hà Hanssem Việt Nam 13.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109630257 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 05 năm 2021, Công ty đã đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản Son Hà 45.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109639845 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2021, Công ty đã đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Son Hà Đồng Nai 60.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109648060 đăng ký lần thứ 3 ngày 11 tháng 04 năm 2025, Công ty đã đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange 45.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (xviii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.287.647 cổ phiếu, tương đương 8,58% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Son Hà.
- (xix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 202501527 ngày 30 tháng 9 năm 2025 do Bộ Tài Chính cấp Công ty đầu tư 3.000.000 USD vào Sonha India International Private Limited, tương đương 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý III.2026 của năm tài chính, Công ty đã góp 69.529,07 USD.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con, công ty liên kết mới thành lập đang trong giai đoạn chuẩn bị công tác ban đầu để đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này/ năm nay VND	Kỳ này/ năm trước VND
Số đầu năm	59.946.518.664	56.204.836.227
Trích lập dự phòng bổ sung	742.987.544	3.812.187.381
Hoàn nhập dự phòng	-	(70.504.944)
Số cuối kỳ	60.689.506.208	59.946.518.664

3 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Bên liên quan</i>	139.783.331.388	169.988.289.188
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	284.849.953
Công ty Cổ phần phát triển Năng lượng Sơn Hà	24.244.816.641	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	3.700.322.913	3.700.322.913
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	1.486.000.306	3.780.271.466
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar	6.905.010.821	7.130.747.372
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	17.013.123.823	1.197.566.349
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	20.488.486.701	20.222.383.746
Son Ha Myanmar International Limited	48.337.566.770	82.213.541.431
Công ty Cổ phần Giải Pháp Công Nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	155.004.613	95.004.613
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	14.942.731.108	36.751.387.912
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	570.912.696	12.546.181.018
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	416.840.271	416.840.271
Công ty Cổ phần Công Nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	878.236.725	878.236.725
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	644.278.000
Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	-	126.677.419
<i>Bên khác</i>	2.443.283.487.952	3.140.629.922.405
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	207.720.101.989	321.274.688.855
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	276.250.484.778	460.713.825.192
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	433.727.687.519	542.994.550.021
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	510.114.110.844	508.605.926.602
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	368.542.175.863	575.412.135.653
Các khách hàng khác	646.928.926.959	731.628.796.082
Cộng	2.583.066.819.340	3.310.618.211.593

4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
<i>Bên liên quan</i>	-	457.280
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	-	457.280

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Bên khác	408.820.298.366	283.390.936.601
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Minh Ngọc (i)	254.595.749.332	175.912.681.623
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long (i)	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty CP Công nghệ Xử Lý Nước và Môi Trường ETM (i)	31.330.005.162	17.907.345.834
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An (i)	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng dân dụng và hạ tầng Sông Hồng	26.718.162.638	-
Các đối tượng khác	31.876.381.234	25.270.909.144
Cộng	408.820.298.366	283.391.393.881

- (i) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Minh Ngọc theo hợp đồng số 001/2022/HĐTCXD-SHI ngày 06/01/2022 và các phụ lục (kèm theo) về việc cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng chưa thuế 578 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công. Hai bên đã tiến hành quyết toán nghiệm thu đếm thời điểm hiện tại của hợp đồng với tổng giá trị 98.431.164.885 VND.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An theo hợp đồng số 002/2022/HĐTCXD-SHI ngày 10/01/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng 108,8 tỷ VND, thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD-SHI-TFC ngày 28/12/2022 về việc thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng 77,5 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.

Khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM theo hợp đồng thi công xây dựng số 001/2022/HĐTCXD-SHI-ETM ngày 28/12/2022 về việc thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng 25,3 tỷ VND, thời gian thực hiện 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công và hợp đồng thi công xây dựng số 18/2025/HĐTC/SKI-ETM ngày 20/01/2025 về thi công xây dựng trạm xử lý nước thải 3.873 m³/ ngày đêm - Giai đoạn 1: 2.000 M³/ngày đêm thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng 29,8 tỷ VND. Hai bên đã tiến hành quyết toán nghiệm thu đếm thời điểm hiện tại của hợp đồng với tổng giá trị 17.105.034.023 VNĐ. Hợp đồng thi công xây dựng số 001/2026/HĐTC/SKI-ETM ngày 19/01/2026 về thi công xây dựng trạm xử lý nước thải 3.873 m³/ ngày đêm - Giai đoạn 2: 1.873 M³/ngày đêm thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, giá trị hợp đồng 25 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**5 . PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	55.482.069.023	-	63.860.407.226	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	45.060.000.000	-	53.648.656.203	-
- <i>Phải thu về cổ tức</i>	<i>45.000.000.000</i>	-	<i>53.381.573.203</i>	-
- <i>Phải thu về lãi cho vay</i>	-	-	-	-
- <i>Phải thu khác</i>	<i>60.000.000</i>	-	<i>267.083.000</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	1.784.506.603	-	1.784.506.603	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	12.000.000	-	-	-
Son Ha Myanmar International Limited	3.309.346.411	-	3.200.770.411	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	5.189.419.000	-	5.099.677.000	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	69.211.259	-	69.211.259	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	4.000.000	-	4.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	432.000	-	432.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	2.694.750	-	2.694.750	-
<i>Bên khác</i>	156.087.310.573	(4.750.000.000)	182.800.739.594	(4.750.000.000)
Tạm ứng	59.723.408.402	-	58.912.559.191	-
Hồ Văn Việt - Giám đốc Ban QLDA tạm ứng dự án Tam Dương	14.569.551.422	-	21.503.563.422	-
Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng ban GPMB tạm ứng dự án Tam Dương	17.621.012.429	-	15.951.012.429	-
Lê Thùy Dung- Tạm ứng kinh doanh BĐS	6.632.355.000	-	5.050.000.000	-
Lê Văn Tấn -Tạm ứng dự án Tam Dương	7.900.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Đỗ Văn Ban-tạm ứng tìm kiếm thị trường	10.529.856.500	-	15.134.279.000	-
Phạm Văn Anh-Tạm ứng tìm kiếm thị trường	11.233.557.138	-	16.033.557.138	-
Trần Đức Thành-Tạm ứng kinh doanh	10.144.226.009	-	15.237.226.009	-
Ký cược, ký quỹ	643.924.789	-	564.530.892	-
Lãi dự thu khác		-	19.967.831.719	-
Phải thu về tiền Hỗ trợ Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.339.418.884	-	9.696.179.794	-
Cộng	211.569.379.596	(4.750.000.000)	246.661.146.820	(4.750.000.000)
b) Dài hạn				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.663.189.408</i>	-	<i>4.209.411.101</i>	-
Ký cược, ký quỹ	4.663.189.408	-	4.209.411.101	-
Cộng	4.663.189.408	-	4.209.411.101	-

6 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn VND	Giá trị gốc nợ VND	Thời gian quá hạn VND	Giá trị gốc nợ VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	trên 3 năm	3.540.903.520
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	trên 3 năm	1.891.351.348
Công nợ dự án Chèm	trên 3 năm	4.750.000.000	trên 3 năm	4.750.000.000
Các đối tượng khác	trên 3 năm	945.091.796	trên 3 năm	945.091.796
		<u>11.127.346.664</u>		<u>11.127.346.664</u>
		<u>(11.127.346.664)</u>		<u>(11.127.346.664)</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.127.346.664	11.127.346.664
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	<u>11.127.346.664</u>	<u>11.127.346.664</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**7 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.620.974.804	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	85.870.693.049	-	99.519.783.420	-
Công cụ, dụng cụ	1.034.425.369	-	17.040.129.365	-
Hàng hóa	445.139.813.621	(62.088.267)	362.207.818.380	(62.088.267)
Cộng	538.665.906.843	(62.088.267)	478.767.731.165	(62.088.267)

8 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	288.117.070	359.999.155
- Công cụ dụng cụ	11.605.081	117.350.444
- Chi phí biển, pano quảng cáo	764.616.668	318.333.334
- Chi phí thuê nhà, thuê địa điểm	5.748.133.819	4.999.484.154
- Chi phí bản quyền phần mềm	4.358.363.449	964.591.333
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.567.774.268	3.235.517.523
Cộng	13.738.610.355	9.995.275.943
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.094.236.380	921.435.760
- Sửa chữa thiết bị, văn phòng	643.826.944	935.803.831
- Chi phí biển, pano quảng cáo	1.055.391.378	630.154.133
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.320.416.959	2.214.024.011
Cộng	4.113.871.661	4.701.417.735

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng tại các Ngân hàng	29.575.082.735	29.331.470.270
- Tiền gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi	4.375.082.735	4.131.470.270
- Tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.200.000.000	5.200.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	51.957.570
Cộng	29.575.082.735	29.383.427.840

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH						
Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	154.805.291.895	248.674.703.763	84.856.738.903	10.528.467.099	498.865.201.660	
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.180.477.594	-	-	4.180.477.594	
- Giảm do thanh lý	-	-	(509.600.000)	-	(509.600.000)	
Số dư cuối kỳ	154.805.291.895	252.855.181.357	84.347.138.903	10.528.467.099	502.536.079.254	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
	1.881.446.844	38.335.396.719	37.021.104.068	7.507.914.093	84.745.861.724	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	55.098.659.320	108.710.561.998	64.899.882.221	9.033.030.472	237.742.134.011	
- Khấu hao trong kỳ	4.926.165.176	9.473.197.103	3.509.354.313	536.999.297	18.445.715.889	
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.724.564.750	-	-	3.724.564.750	
- Giảm do thanh lý	-	-	(509.600.000)	-	(509.600.000)	
- Giảm khác	-	(39.743.160)	-	-	(39.743.160)	
Số dư cuối kỳ	60.024.824.496	121.868.580.691	67.899.636.534	9.570.029.769	259.363.071.490	
Giá trị còn lại						
Tại ngày số đầu năm	99.706.632.575	139.964.141.765	19.956.856.682	1.495.436.627	261.123.067.649	
Tại ngày cuối kỳ	94.780.467.399	130.986.600.666	16.447.502.369	958.437.330	243.173.007.764	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.777.655.781	21.828.884.772	41.606.540.553
- Thuê tài chính trong kỳ	15.800.306.278	11.651.675.397	27.451.981.675
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.157.610.735)	-	(4.157.610.735)
Số dư cuối kỳ	31.420.351.324	33.480.560.169	64.900.911.493
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.992.027.391	6.895.135.383	13.887.162.774
- Khấu hao trong kỳ	2.204.700.387	2.200.334.604	4.405.034.991
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.724.564.750)	-	(3.724.564.750)
Số dư cuối kỳ	5.472.163.028	9.095.469.987	14.567.633.015
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	12.785.628.390	14.933.749.389	27.719.377.779
Tại ngày cuối kỳ	25.948.188.296	24.385.090.182	50.333.278.478

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	16.085.358.991	8.319.530.789	24.404.889.780
- Mua trong kỳ	-	145.000.000	145.000.000
Số dư cuối kỳ	16.085.358.991	8.464.530.789	24.549.889.780
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.530.184.567	6.859.383.660	13.389.568.227
- Khấu hao trong kỳ	362.772.954	215.590.402	578.363.356
Số dư cuối kỳ	6.892.957.521	7.074.974.062	13.967.931.583
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.555.174.424	1.460.147.129	11.015.321.553
Tại ngày cuối kỳ	9.192.401.470	1.389.556.727	10.581.958.197

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

13 . BÁT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ, đơn vị không sở hữu bất động sản đầu tư.

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Phân loại lại chi phí	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	268.000.000	-	-	-	-	268.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	646.670.040.821	167.976.373.785	-	(128.290.600)	-	814.518.124.006
Dự án nước Hà Đông (i)	5.485.625.001	-	-	-	-	5.485.625.001
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai (ii)	14.449.314.153	-	-	(128.290.600)	-	14.321.023.553
Dự án khu công nghiệp Tam Dương (iii)	609.779.878.603	166.488.169.214	-	-	-	776.268.047.817
Dự án khác	16.955.223.064	1.488.204.571	-	-	-	18.443.427.635
	646.938.040.821	167.976.373.785	-	(128.290.600)	-	814.786.124.006

- (i) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 5760/QĐ - UBND ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3757/QĐ – UBND ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty nước sạch Hà Đông với Công ty Cổ phần Quốc tế Son Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 30/05/2017. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản và dự kiến hoàn tất trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- (ii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong Quý 1 năm 2022, giai đoạn 2 dự án đang tiếp tục hoàn tất công tác đấu nối đường ống dẫn nước đến từng hộ dân.
- (iii) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 336/QĐ-TTg ngày 10/3/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3163852766 ngày 01/6/2021, thay đổi lần thứ 2 ngày 21/4/2023. Ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty với diện tích 81,24 ha. Cùng ngày 27/4/2023, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép Xây dựng số 16/GPXD cho Công ty để thực hiện xây dựng các hạng mục của Dự án. Ngày 30/6/2025, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 1638/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 2) cho Công ty với diện tích 23,33 ha.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
<i>Bên liên quan</i>	501.856.251.688	209.802.895.912
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	1.110.914.880	8.865.427.685
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	134.674.246.054	77.276.917.961
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	146.575.125.802	113.281.176.522
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	1.575.672.237	-
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	10.346.300.305	10.346.300.305
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	207.543.418.971	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	-	2.500.000
<i>Bên khác</i>	155.557.464.413	1.065.706.260.405
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Minh Phú	17.427.744.785	141.731.230.342
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	10.811.022.880	195.807.280.598
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	2.429.469.997	184.589.316.401
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	6.186.518.202	212.846.201.858
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	6.955.593.210	182.613.901.180
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Kim loại Tân Việt	40.442.430.959	46.545.679.300
Các nhà cung cấp khác	71.304.684.380	101.572.650.726
Cộng	657.413.716.101	1.275.509.156.317
b) Dài hạn		
<i>Bên liên quan</i>	-	43.331.648.953
Công ty Công ty Cổ phần Thiết Bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	-	43.331.648.953
Cộng	-	43.331.648.953

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>210.527.484.093</i>	<i>239.652.973.040</i>
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	208.349.038.056	239.652.973.040
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2.178.446.037	-
<i>Bên khác</i>	<i>98.862.847.668</i>	<i>25.094.273.493</i>
Các khách hàng Tam Dương ứng trước tiền hàng	7.683.967.244	-
Công ty TNHH Bao Bì ID Thiên Thành	40.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp T&T-Tech	33.256.748.952	-
Các khách hàng khác	17.272.131.472	25.094.273.493
Cộng	309.390.331.761	264.747.246.533

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	713.263.144	212.146	9.300.299.102	(6.189.178.209)	3.824.384.037	212.146
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8.624.530.284	(8.624.530.284)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	175.176.016	(175.176.016)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.424.216	-	(23.064.628)	(59.543.861)	-	4.184.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.874.492.155	-	-	(11.421.625.871)	-	547.133.716
Thuế thu nhập các nhân	545.904.681	-	2.144.662.926	(2.072.779.595)	617.788.012	-
Thuế tài nguyên	353.091.600	-	2.995.714.850	(3.112.065.965)	236.740.485	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	28.611.295	907.603.203	(403.379.200)	475.612.708	-
Thuế bảo vệ môi trường	94.886.378	-	2.463.035.062	(2.304.175.296)	253.746.144	-
Lệ phí môn bài	-	-	-	(1.000.000)	-	1.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	961.907.856	-	523.589.716	(216.331.027)	1.324.442.369	55.275.824
	<u>13.621.970.030</u>	<u>28.823.441</u>	<u>27.111.546.531</u>	<u>(34.579.785.324)</u>	<u>6.732.713.755</u>	<u>607.805.959</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 8%, 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội như sau:

Diện tích đất thuê là 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	-	2.195.771.751
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.404.451.542	2.560.904.188
Cộng	3.404.451.542	4.756.675.939

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
<i>Bên liên quan</i>	50.307.310.858	33.559.170.315
Son Ha Myanmar International Limited	-	5.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	50.307.310.858	33.552.014.400
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	-	2.155.915
<i>Bên khác</i>	348.871.551.533	460.429.216.121
Kinh phí công đoàn	757.403.665	170.337.325
Nhận ký quỹ, ký cược	578.590.500	1.058.590.500
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội - LC Upas (*)	13.076.227.568	162.436.155.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	138.006.559.313
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	307.633.754.589	128.604.380.174
Thu tiền các hộ dân hỗ trợ đặt đồng hồ, ống nước	21.257.216.837	24.929.673.007
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.568.358.374	5.223.520.583
Cộng	399.178.862.391	493.988.386.436

(*): Là khoản ngân hàng ứng trước tiền thanh toán cho nhà cung cấp theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng hình thức LC Upas cung cấp cho bên khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

b) Dài hạn		
Bên khác	322.777.127.211	316.321.047.592
Khách hàng đặt cọc tiền thuê đất gắn liền cơ sở hạ tầng dự án Khu công nghiệp Tam Dương	322.777.127.211	316.321.047.592
- Công ty Cổ phần vật liệu nhựa FO	76.260.960.000	76.260.960.000
- Công ty cổ phần PMT.P&E	54.177.000.000	44.577.000.000
- Công ty TNHH Jahwa Vina	102.509.230.272	102.509.230.272
- Công ty Cổ phần đóng gói xanh Pakuni Vina	39.095.160.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng AMG Group	32.516.391.194	-
- Các đối tượng khác	18.218.385.745	92.973.857.320
Nhận ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Cộng	322.782.127.211	316.326.047.592
20 . DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Tiền cho thuê lại đất gắn liền cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Tam Dương	2.157.323.470	-
Cộng	2.157.323.470	-
b) Dài hạn		
Tiền cho thuê lại đất gắn liền cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp Tam Dương	95.113.994.850	-
Cộng	95.113.994.850	-
Công ty không có hợp đồng nào được xác định là có khả năng không thực hiện được.		
21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.383.251.147.627	2.041.005.604.535
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.232.500.394.171	2.008.697.319.387
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	719.949.507.677	581.639.357.495
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (ii)	71.766.158.285	259.317.651.198
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (iii)	477.724.377.068	479.233.046.391
Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	58.075.338.083	58.060.149.374
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (v)	80.308.140.166	75.511.560.665

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội (vi)	207.210.970.824	56.995.199.348
Ngân hàng ESUN BANK- Chi nhánh Đồng Nai (vii)	89.626.501.591	88.759.980.192
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hà Nội (viii)	79.861.619.875	79.801.529.438
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (ix)	199.576.528.093	199.894.803.549
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An (x)	99.987.995.624	99.536.375.637
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên SHINHAN Việt Nam- CN Trần Duy Hưng (xi)	29.980.758.677	29.947.666.100
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở giao dịch (xvi)	118.432.498.208	-
Vay tổ chức và các cá nhân khác	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	131.766.528.000	15.766.528.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	123.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	5.700.000.000	5.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	3.066.528.000	3.066.528.000
Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội đến hạn trả	7.150.000.000	7.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	11.834.225.456	9.541.757.148
Công ty Cho thuê tài chính MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội	2.857.315.776	2.857.315.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Hà Nội	272.000.000	1.061.269.728
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	8.704.909.680	5.623.171.644
Cộng	<u>2.383.251.147.627</u>	<u>2.041.005.604.535</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2025/147831/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2025 với tổng hạn mức tín dụng 770.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 12/2025-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 15 tháng 12 năm 2025 với tổng hạn mức 390.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/147831/HĐTD ngày 15 tháng 10 năm 2025 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 7568/26MB/HĐTD ngày 24/04/2026 với hạn mức 200.000.000.000 VND, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số SHI.HDTD.2025_01 ngày 15 tháng 12 năm 2025, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 03/2026/HDTD/TTI ký ngày 10 tháng 01 năm 2026, hạn mức cho vay 250.000.000.000 VNĐ Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng ESUN BANK- Chi nhánh Đồng Nai theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202632 ngày 12/05/2026 với hạn mức 3.500.000 USD (Bằng chữ: Ba triệu, năm trăm nghìn đô la Mỹ), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 30250149 ngày 22 tháng 12 năm 2025, hạn mức cho vay 80.000.000.000 VND để mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 180 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 330252.25.058.588663.TD ký ngày 05 tháng 09 năm 2025, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VNĐ Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, kinh doanh inox. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đại An theo Hợp đồng tín dụng số REF2610427906/HĐCHMTD ký ngày 22 tháng 04 năm 2026, hạn mức cho vay 100.000.000.000 VNĐ Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (xi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một Thành Viên SHINHAN Việt Nam - CN Trần Duy Hưng theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2025/67 ký ngày 07 tháng 08 năm 2025, hạn mức cho vay 30.000.000.000 VNĐ, bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.
- (xvi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số BCLC-18662-01 ký ngày 26 tháng 06 năm 2026, hạn mức cho vay 300.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo quy định của ngân hàng.

b) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	393.750.685.943	481.630.647.304
Vay dài hạn ngân hàng	327.138.333.693	413.325.475.112

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (xii)	304.181.492.036	383.793.737.455
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (xiii)	15.545.953.879	19.820.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (xiv)	7.410.887.778	9.710.783.778
Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội (xv)	40.917.497.062	46.317.497.062
Nợ thuê tài chính	25.694.855.188	21.987.675.130
Công ty Cho thuê tài chính MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội	4.162.497.715	6.305.484.547
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust- CN Hà Nội	-	68.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	21.532.357.473	15.614.190.583
Cộng	393.750.685.943	481.630.647.304

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (xii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2024/147831/HĐTD ngày 08 tháng 04 năm 2024 với tổng hạn mức 1.056.410.000.000 VND mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I - khu vực 2, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ. Thời hạn cho vay 72 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (xiii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, Phường Dương Nội, công suất 30.000 m³/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m³/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, Phường Dương Nội.
- (xiv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADDT/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 02/08/2017 giữa Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn - An Thượng, xã An Khánh, TP Hà Nội", dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VNĐ và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn - An Thượng, xã An Khánh, TP Hà Nội" mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hơn tác đầu tư.
- (xv) Khoản vay Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/HĐTD-SHI ngày 30/09/2019 giữa Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội với mục đích thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao", thời hạn 138 tháng, hạn mức 61.311.000.000 VNĐ, Lãi suất 6,95%/năm, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu của dự án.

Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**22 . QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	-	269.724
Chi quỹ	-	(269.724)
Số cuối năm/kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

23

VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	33.440.118.486	1.715.624.145.538
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	48.435.245.361	48.435.245.361
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(510.600.000)	(510.600.000)
Số Số dư cuối năm nay	1.702.684.090.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	81.364.763.847	1.763.548.790.899

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Lê Vĩnh Sơn	182.218.820.000	182.218.820.000
Các cổ đông khác	1.520.465.270.000	1.520.465.270.000
Cộng	1.702.684.090.000	1.702.684.090.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

d) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	170.268.409	170.268.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	169.949.549	169.949.549
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP		
1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.532.908.749.866	1.362.519.116.657
Doanh thu bán thành phẩm	8.350.217.575	10.180.435.097
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.656.566.475	19.792.895.331
Doanh thu khác	406.983.200	-
Cộng	1.558.322.517.116	1.392.492.447.085
2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Chiết khấu thương mại	36.458.579.005	40.656.887.887
Hàng bán bị trả lại	382.226.857	-
Cộng	36.840.805.862	40.656.887.887
3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.400.759.547.672	1.249.172.692.687
Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.541.015.140	9.254.561.613
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.568.283.984	2.424.992.684
Giá vốn của hoạt động khác	360.703.082	-
Cộng	1.412.229.549.878	1.260.852.246.984

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý III.2026	Quý III.2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.402.342	7.484.231
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	532.361.230	581.204.537
Lãi tiền cho vay	-	357.945.205
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.335.384	18.538.201
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(1.280.913.787)
Cổ tức, lợi nhuận được nhận	15.000.000.000	10.000.000.000
Lãi phải thu từ thỏa thuận hợp đồng	884.712.329	4.321.622.700
Doanh thu tài chính khác	173.401	142.839
Cộng	16.436.984.686	14.006.023.926

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III.2026	Quý III.2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	52.252.383.310	38.685.817.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.140.517	41.511.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.631.586.442	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	41.007.845	351.514.855
Chiết khấu thanh toán	84.403.713	162.838.229
Chi phí chậm thanh toán theo hợp đồng	592.784.718	1.725.339.480
Chi phí tài chính khác	926.351	925.344
Cộng	54.622.232.896	40.967.946.580

6 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý III.2026	Quý III.2025
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	14.069.206.149	15.253.999.903
Chi phí vật liệu, bao bì	27.331.553	171.502.253
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.002.190	116.661.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	357.672.191	262.275.868
Chi phí bảo hành	697.424.331	881.068.081
Chi phí vận chuyển, xăng dầu	9.342.274.006	6.599.742.334
Chi phí showroom	-	-
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, quà tặng khách hàng	3.655.875.201	4.130.157.045
Chi phí thuê kho	5.204.332.718	4.997.880.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.661.581.207	2.561.752.661
Các chi phí khác	724.855.883	413.818.166
Cộng	35.833.555.429	35.388.858.199

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp**7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Chi phí cho nhân viên	13.930.503.939	12.749.571.109
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.752.412	123.463.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.534.993.276	1.718.727.629
Thuế, phí và lệ phí	855.000	-
Chi phí thanh toán, mở LC	7.837.839.961	522.491.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.347.754.181	7.084.853.867
Các chi phí khác	973.939.833	934.690.278
Cộng	31.772.638.602	23.133.798.302

8 . THU NHẬP KHÁC

	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Lãi thanh lý tài sản	59.090.909	-
Thu nhập khác	30.155.414	26.218.255
Cộng	89.246.323	26.218.255

9 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý III.2026 VND	Quý III.2025 VND
Thuế bị phạt, bị truy thu	721.841.959	71.931.801
Chi phí khác	23.852.615	22.635.817
Cộng	745.694.574	94.567.618

10 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII . THÔNG TIN KHÁC**1 . GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

b) Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ Phần Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết Bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Công ty con
Son Ha Myanmar International Limited	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	Công ty con
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ nước và Môi trường Sơn Hà GM Việt Nam	Công ty con
Sonha India International Private Limited	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển bất động sản Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tầng 13, Tòa Capital Place, Số 29 phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý III của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

2 . Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam và chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng gia dụng. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Trung

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn

HA. d